

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp đợt 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-BCT ngày 03/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-ĐHVH ngày 12/07/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại trường ĐHCN Việt - Hung;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt 2 năm 2023 ngày 21/7/2023;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 130 sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp đợt 2 năm 2023 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng;
- Như điều 2;
- Webside;
- Lưu: VT, QLDT.



Nguyễn Đức Tri



**DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2023**

(Kèm theo QĐ số: 265/QĐ-ĐHVH ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hưng)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
Ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí												
1	1700471	Trần Văn	Đạt	Nam	03/01/1999	Phú Thọ	K4118CTM1	125	2.84	Khá	0	
2	1800081	Nguyễn Lê Hoàng	Anh	Nam	22/10/2000	Thanh Hóa	K4218-CTM1	125	3.04	Khá	0	
3	1800053	Đặng Huy	Hoàng	Nam	15/10/2000	Hòa Bình	K4218-CTM1	127	3.01	Khá	0	
Ngành công nghệ kỹ thuật xây dựng												
4	1801093	Nguyễn Việt Hoàng	Anh	Nam	20/09/1998	Hà Tây	K4228-CKX1	124	2.30	Trung bình	0	
5	1800202	Nguyễn Văn	Tài	Nam	14/01/2000	Nam Định	K4228-CKX1	120	2.42	Trung bình	0	
Ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử												
6	1500868	Nguyễn Bá Hà	Anh	Nam	24/12/1996	TP. Hà Nội	3918TDH 2	124	2.61	Khá	0	
7	1700108	Bùi Quang	Anh	Nam	30/07/1999	Hòa Bình	K4118CNKT-DDT2	120	2.61	Khá	0	
8	1700306	Vũ Công Tuấn	Anh	Nam	18/09/1999	TP. Hà Nội	K4118CNKT-DDT2	120	2.22	Trung bình	0	
9	1700558	Trịnh Văn	Bình	Nam	09/10/1999	Thanh Hóa	K4118CNKT-DDT2	120	2.09	Trung bình	0	
10	1700461	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	10/03/1999	Hà Tây	K4118CNKT-DDT2	120	2.35	Trung bình	0	
11	1700319	Phạm Văn	Tú	Nam	28/02/1998	Thanh Hóa	K4118CNKT-DDT2	120	2.44	Trung bình	0	
12	1800217	Ngô Trí	Hiếu	Nam	09/03/2000	Hải Dương	K4218-DDT2	120	3.01	Khá	0	
13	1800500	Vũ Văn	Hiếu	Nam	19/05/2000	TP. Hà Nội	K4218-DDT2	120	2.59	Khá	0	
14	1800216	Đỗ Ngọc	Kiên	Nam	16/11/2000	Phú Thọ	K4218-DDT3	120	2.92	Khá	0	
15	1800043	Chu Tuấn	Linh	Nam	17/08/2000	Hà Tây	K4218-DDT3	120	2.44	Trung bình	0	
16	1800169	Trần Văn	Nhật	Nam	09/03/2000	Hải Dương	K4218-DDT3	120	2.79	Khá	0	
17	1800529	Hoàng Văn	Sáu	Nam	22/08/2000	Yên Bái	K4218-DDT3	120	2.62	Khá	0	
18	1800725	Vũ Việt	Hoàng	Nam	07/01/2000	TP. Hà Nội	K4218-DDT4	120	2.60	Khá	0	
19	1800414	Trương Việt	Tiến	Nam	02/07/2000	Hải Dương	K4218-DDT4	120	2.95	Khá	0	
20	1900982	Nguyễn Văn	Hoàn	Nam	09/04/1998	Bắc Giang	K4317BG-CNKT-DT	120	3.08	Khá	0	
21	1900998	Ngô Văn	Trường	Nam	05/10/1996	Bắc Giang	K4317BG-CNKT-DT	120	2.90	Khá	0	
Ngành công nghệ kỹ thuật ô tô												
22	1500282	Nguyễn Anh	Đức	Nam	07/05/1997	Nam Định	3918CKO	130	2.01	Trung bình	0	
23	1700422	Phạm Bá	Vương	Nam	01/03/1999	Thanh Hóa	K4118CKO1	121	2.29	Trung bình	0	
24	1700739	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	18/07/1997	Nghệ An	K4118CKO2	120	2.60	Khá	0	
25	1700990	Đặng Tuấn	Anh	Nam	17/02/1999	Bắc Giang	K4118CKO5	120	2.17	Trung bình	0	
26	1700541	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	09/07/1999	Nghệ An	K4118CKO5	120	2.60	Khá	0	
27	1701013	Hoàng Văn	Long	Nam	27/04/1999	Bình Phước	K4118CKO5	124	2.52	Khá	0	
28	1800572	Nguyễn Văn	Hoàn	Nam	01/10/2000	Hà Tây	K4218-CKO1	120	2.62	Khá	0	
29	1800144	Nguyễn Quang	Quyển	Nam	21/10/2000	Bắc Ninh	K4218-CKO1	121	2.42	Trung bình	0	
30	1800229	Vũ Minh	Hiếu	Nam	03/08/2000	Hải Dương	K4218-CKO3	124	2.64	Khá	0	
31	1800630	Vũ Văn	Khải	Nam	24/11/2000	TP. Hà Nội	K4218-CKO3	120	2.56	Khá	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
32	1800064	Lò Văn	Thắng	Nam	05/10/2000	Lai Châu	K4218-CKO3	121	2.61	Khá	0	
33	1800371	Phạm Văn	Toàn	Nam	05/02/2000	TP. Hải Phòng	K4218-CKO3	120	2.80	Khá	0	
34	1800731	Hoàng Nhật	Khánh	Nam	03/10/2000	Lai Châu	K4218-CKO5	121	2.50	Khá	0	
35	1800143	Bạch Công	Tuyền	Nam	17/11/2000	Hà Tây	K4218-CKO5	120	2.51	Khá	0	
Ngành công nghệ thông tin												
36	1600177	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	05/12/1998	Hải Dương	4018CNT2	120	2.59	Khá	0	
37	1700325	Nguyễn Đức	Thái	Nam	08/04/1999	Thái Bình	K4118TKDH	124	2.54	Khá	0	
38	1800487	Tạ Việt	Anh	Nam	12/07/1999	Hà Tây	K4218-CNT1	120	2.30	Trung bình	0	
39	1800060	Lý Thanh	Tùng	Nam	26/12/2000	Đắk Lắk	K4218-CNT1	120	2.44	Trung bình	0	
40	1800982	Nguyễn Duy	Huân	Nam	21/07/1975	Vĩnh Phúc	K4218-CNT3	122	3.15	Khá	0	
41	1801002	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/10/1982	Tuyên Quang	K4218-CNT3	125	3.00	Khá	0	
42	1800973	Đào Hải	Quân	Nam	18/09/1980	TP. Hà Nội	K4218-CNT3	122	3.14	Khá	0	
43	1800038	Ngô Nguyễn Ngọc	An	Nam	15/09/2000	Thanh Hóa	K4218-TKDH	129	2.44	Trung bình	0	
44	1800550	Nguyễn Lê	Hoàng	Nam	03/11/2000	Hà Tây	K4218-TKT	121	2.39	Trung bình	0	
45	1800916	Lê Ngọc	Kiên	Nam	12/11/2000	Hà Nam	K4299-CNT2	120	2.93	Khá	0	
46	2000040	Lê Văn	Hiếu	Nam	01/05/1990	Vĩnh Phúc	K4417CNTT1	124	2.48	Trung bình	0	
47	2000669	Cao Quý	Hương	Nữ	26/08/1981	TP. Hà Nội	K4417CNTT1	121	2.66	Khá	0	
48	2000026	Khuất Thị Thùy	Ninh	Nữ	22/07/1982	TP. Hà Nội	K4417CNTT1	121	2.81	Khá	0	
49	2000017	Phùng Đức Nhật	Minh	Nam	20/09/1998	Hà Tây	K4428-CNT1	154	2.96	Khá	0	
TỔNG CỘNG: 49/130 SV đủ điều kiện tốt nghiệp												

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2023



Hiệu trưởng
(họ tên và chữ ký)

Nguyễn Đức Trí

Phòng quản lý đào tạo
(họ tên và chữ ký)

Hà Thị Vân

Người lập biểu
(họ tên và chữ ký)

Hà Thị Vân



**DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2023**

(Kèm theo QĐ số: 25/QĐ-ĐHVH ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hưng)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
Ngành Kinh tế												
50	1900119	Dì Thị	Dờ	Nữ	11/09/2001	Lai Châu	K4318-KT01	120	3.50	Giỏi	0	
51	1900477	Trương Hà	Giang	Nữ	16/12/2001	Hà Tây	K4318-KT01	120	3.09	Khá	0	
52	1900694	Ly A	Lệnh	Nam	04/03/2001	Sơn La	K4318-KT01	120	2.88	Khá	0	
53	1900120	Tần Thị	Linh	Nữ	04/11/2001	Lai Châu	K4318-KT01	120	3.31	Giỏi	0	
54	1900672	Nguyễn Thanh	Xuân	Nữ	22/06/2001	Lào Cai	K4318-KT01	120	3.40	Giỏi	0	
55	2000698	Vũ Thị Thùy	Trang	Nữ	25/10/1995	Thanh Hóa	K4417TK-KT	121	2.67	Khá	0	
TỔNG CỘNG: 6/130 SV đủ điều kiện tốt nghiệp												

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Hiệu trưởng
(họ tên và chữ ký)

* Nguyễn Đức Trí

Phòng quản lý đào tạo
(họ tên và chữ ký)

Người lập biểu
(họ tên và chữ ký)

Hà Thị Vân Anh



**DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2023**

(Kèm theo QĐ số: 165/QĐ-DHVN ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường DHCN Việt - Hưng)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
Ngành Quản trị kinh doanh												
56	1800690	Lục Văn	Chấn	Nam	17/07/2000	Lào Cai	K4218-QTKD01	120	3.04	Khá	0	
57	1800471	Đặng Thị Minh	Phượng	Nữ	27/05/2000	Hà Tây	K4218-QTKD02	123	3.03	Khá	0	
58	1900650	Dương Thị	Chiều	Nữ	10/10/2001	Lạng Sơn	K4318-QTKD1	120	3.05	Khá	0	
59	1900737	Hoàng Thị	Chung	Nữ	28/06/2001	Lào Cai	K4318-QTKD1	120	2.98	Khá	0	
60	1900956	Nguyễn Đức	Duy	Nam	30/06/1996	Hà Tây	K4318-QTKD1	131	2.53	Khá	0	
61	1900241	Lê Thị Hương	Giang	Nữ	28/11/2001	Hà Tây	K4318-QTKD1	120	3.46	Giỏi	0	
62	1900704	Hoàng Thị Thu	Hoài	Nữ	12/01/2001	Điện Biên	K4318-QTKD1	120	3.40	Giỏi	0	
63	1900614	Lê Văn	Khang	Nam	02/04/2001	Bắc Ninh	K4318-QTKD1	120	2.83	Khá	0	
64	1900508	Lương Ngọc	Khánh	Nam	13/09/2001	Sơn La	K4318-QTKD1	120	2.50	Khá	0	
65	1900065	Lương Thúy	Kiều	Nữ	10/07/2001	Lai Châu	K4318-QTKD1	120	3.38	Giỏi	0	
66	1900339	Đặng Văn	Kỷ	Nam	12/09/2001	Tuyên Quang	K4318-QTKD1	120	2.86	Khá	0	
67	1900678	Phan Thị	Liên	Nữ	24/01/2001	Hải Dương	K4318-QTKD1	120	3.54	Giỏi	0	
68	1900589	Nguyễn Thị Thúy	Liễu	Nữ	27/03/2001	Vĩnh Phúc	K4318-QTKD1	120	2.81	Khá	0	
69	1900258	Tông Thị	Lợi	Nữ	11/11/2001	Sơn La	K4318-QTKD1	120	2.75	Khá	0	
70	1900735	Nguyễn Thị Kim	Ly	Nữ	14/04/2001	Thanh Hóa	K4318-QTKD1	120	3.08	Khá	0	
71	1900252	Đặng Thị	Minh	Nữ	09/01/2000	Quảng Ninh	K4318-QTKD1	120	3.15	Khá	0	
72	1900514	Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/01/2001	Ninh Bình	K4318-QTKD1	120	3.20	Giỏi	0	
73	1900147	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/08/2001	Vĩnh Phúc	K4318-QTKD1	120	3.18	Khá	0	
74	1900253	Tô Thị	Phụng	Nữ	13/05/2001	Lạng Sơn	K4318-QTKD1	120	2.71	Khá	0	
75	1900817	Nguyễn Duy	Phượng	Nam	07/03/2000	Hà Nam	K4318-QTKD1	120	3.42	Giỏi	0	
76	1900619	Nguyễn Thị Tâm	Quỳnh	Nữ	12/09/2001	Hà Tây	K4318-QTKD1	120	3.59	Giỏi	0	
77	1900727	Ấu Thị	Sim	Nữ	01/11/2000	Lạng Sơn	K4318-QTKD1	120	3.03	Khá	0	
78	1900109	Lô Văn	Thành	Nam	02/09/2001	Sơn La	K4318-QTKD1	120	3.08	Khá	0	
79	1900541	Đặng Thị Thu	Thường	Nữ	12/10/2001	Vĩnh Phúc	K4318-QTKD1	120	3.13	Khá	0	
80	1900794	Trương Thị Huyền	Trang	Nữ	08/11/2001	Hà Tây	K4318-QTKD1	120	3.11	Khá	0	
81	1900657	Đặng Thế	Tùng	Nam	18/05/2001	Hà Tây	K4318-QTKD1	120	2.53	Khá	0	
82	1900526	Lương Thị	Tuyền	Nữ	14/08/2001	Lai Châu	K4318-QTKD1	120	2.96	Khá	0	
83	1900327	Khuông Đức	Việt	Nam	21/06/2001	Hà Tây	K4318-QTKD1	120	2.59	Khá	0	
84	1900569	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	18/04/2001	Hà Nam	K4328-QTKD1	120	3.10	Khá	0	
85	1900762	Vũ Duy	Chính	Nam	12/04/2001	Hải Dương	K4328-QTKD1	120	2.44	Trung bình	0	
86	1900440	Ngô Thị Hồng	Giang	Nữ	13/08/2001	Bắc Ninh	K4328-QTKD1	120	2.65	Khá	0	
87	1900961	Vũ Hà	Giang	Nữ	07/04/2001	TP. Hà Nội	K4328-QTKD1	120	3.04	Khá	0	
88	1900393	Tạ Tuyết	Hồng	Nữ	22/10/2001	Hà Tây	K4328-QTKD1	120	2.73	Khá	0	
89	1900938	Đinh Thị Phương	Thảo	Nữ	26/09/1999	TP. Hà Nội	K4328-QTKD1	120	3.20	Giỏi	0	
90	1900410	Đoàn Thị Thanh	Thúy	Nữ	18/01/2001	TP. Hà Nội	K4328-QTKD1	120	3.11	Khá	0	
91	1900436	Hà Thu	Trang	Nữ	28/08/2001	Phủ Thọ	K4328-QTKD1	120	2.88	Khá	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
92	1900348	Vũ Linh	Trang	Nữ	03/02/2001	Sơn La	K4328-QTKD1	120	2.80	Khá	0	
93	1900022	Mai Anh	Tuấn	Nam	14/05/1999	TP. Hà Nội	K4328-QTKD1	120	3.13	Khá	0	
TỔNG CỘNG: 38/130 SV đủ điều kiện tốt nghiệp												

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Hiệu trưởng

(họ tên và chữ ký)



Nguyễn Đức Lợi

Phòng quản lý đào tạo

(họ tên và chữ ký)

Hà gia DL

Người lập biểu

(họ tên và chữ ký)

Hà Thị Vân Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số 285/QĐ-DH/VH ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
Ngành Tài chính ngân hàng												
94	1300439	Phí Quỳnh	Trang	Nữ	05/08/1995	Hà Tây	3718TNH2	113	2.13	Trung bình	0	
95	1600579	Lê Minh	Phước	Nam	26/12/1998	TP. Hà Nội	4048TCK	120	2.32	Trung bình	0	
96	1800409	Lê Hồng	Thơ	Nữ	05/11/2000	TP. Hà Nội	K4299-TCK	120	2.64	Khá	0	
97	1900792	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	06/08/1991	Hà Tây	K4317TNH1	122	2.66	Khá	0	
98	1900082	Phạm Vũ Hoàng	Anh	Nữ	08/02/2001	Đồng Nai	K4318-TCK	120	3.41	Giỏi	0	
99	1900053	Man Thị	Ánh	Nữ	04/09/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	2.98	Khá	0	
100	1900567	Nguyễn Tiểu	Bào	Nam	24/12/2001	TP. Hà Nội	K4318-TCK	120	2.91	Khá	0	
101	1900799	Nguyễn Thanh	Chúc	Nữ	09/12/2001	Thái Bình	K4318-TCK	120	3.08	Khá	0	
102	1900812	Hoàng Thị	Dung	Nữ	10/11/2001	Vĩnh Phúc	K4318-TCK	120	3.17	Khá	0	
103	1900451	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	13/08/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.23	Giỏi	0	
104	1900582	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	15/02/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.34	Giỏi	0	
105	1900813	Vương Thị	Hiệp	Nữ	20/05/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.63	Xuất sắc	0	
106	1900372	Phạm Thị	Huế	Nữ	31/01/2001	Thanh Hóa	K4318-TCK	120	2.87	Khá	0	
107	1900214	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	31/07/2001	Hải Dương	K4318-TCK	120	3.24	Giỏi	0	
108	1900676	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	10/03/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.03	Khá	0	
109	1900151	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	07/09/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.29	Giỏi	0	
110	1900195	Trần Thị	Huyền	Nữ	03/12/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	2.66	Khá	0	
111	1900354	Đào Thị Ngọc	Linh	Nữ	24/04/2001	Lào Cai	K4318-TCK	120	2.82	Khá	0	
112	1900376	Đinh Thùy	Linh	Nữ	11/08/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.02	Khá	0	
113	1900785	Quách Ngọc	Linh	Nữ	21/06/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	2.96	Khá	0	
114	1900611	Nguyễn Thị Huyền	My	Nữ	15/07/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	2.97	Khá	0	
115	1900701	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	27/03/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.42	Giỏi	0	
116	1900912	Phùng Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/09/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.22	Giỏi	0	
117	1900535	Quảng Thị	Nhung	Nữ	05/06/2001	Sơn La	K4318-TCK	120	3.16	Khá	0	
118	1900452	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	02/04/2000	Tuyên Quang	K4318-TCK	120	3.27	Giỏi	0	
119	1900579	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nữ	14/04/2001	Thái Bình	K4318-TCK	120	2.56	Khá	0	
120	1900783	Phùng Thị Hương	Quỳnh	Nữ	20/04/2000	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.00	Khá	0	
121	1900054	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	31/08/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	2.78	Khá	0	
122	1900087	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	16/07/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	2.95	Khá	0	
123	1900702	Lương Kiều	Trang	Nữ	28/04/2001	Sơn La	K4318-TCK	120	3.81	Xuất sắc	0	
124	1900222	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/06/2001	Hải Dương	K4318-TCK	120	3.65	Xuất sắc	0	
125	1900302	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	27/05/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.00	Khá	0	
126	1900470	Tạ Thị Thu	Trang	Nữ	21/08/2001	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.48	Giỏi	0	
127	1900787	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	24/08/2000	Hà Tây	K4318-TCK	120	3.43	Giỏi	0	
128	1900251	Đặng Hữu	Vượng	Nam	16/03/2001	Quảng Ninh	K4318-TCK	120	2.88	Khá	0	
129	1900501	Nguyễn Kiều	Yên	Nữ	15/03/1999	Yên Bái	K4318-TCK	120	3.86	Xuất sắc	0	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN	Số môn điểm F	Ghi chú
130	2000037	Đỗ Như	Cường	Nam	05/09/1991	TP. Hà Nội	K4417TCK1	121	3.04	Khá	0	
TỔNG CỘNG: 37/130 SV đủ điều kiện tốt nghiệp												

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Hiệu trưởng

(họ tên và chữ ký)



Nguyễn Đức Lợi

Phòng quản lý đào tạo

(họ tên và chữ ký)

Hà Thị Vân

Người lập biểu

(họ tên và chữ ký)

Hà Thị Vân